

**Đầu nối khí**  
**QS-V0-10**  
Số bộ phận: 160548

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                               |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                            |
| Chiều rộng định mức                             | 9 mm                                                                  |
| Kiểm tra độ cháy vật liệu                       | UL94 V-0 (Vỏ)<br>UL94 V-0 (Vòng nhà)                                  |
| Thiết kế                                        | dạng thẳng                                                            |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                    |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                    |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi     |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: tối đa 0,6 MPa ở tối đa 50 °C                                   |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá) |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | 0 °C...60 °C                                                          |
| trọng lượng sản phẩm                            | 17 g                                                                  |
| Cổng nối khí nén 1                              | đối với ống mềm Ø ngoài 10 mm                                         |
| Cổng nối khí nén 2                              | cho ống mềm Ø ngoài 10 mm                                             |
| Màu vòng nhà                                    | màu đen                                                               |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                         |
| Vật liệu vỏ                                     | PBT                                                                   |
| Vật liệu vòng nhà                               | PBT                                                                   |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                                   |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao<br>Đồng thau                                |